

# xu hướng chuyển biến trong kỷ nguyên trí tuệ

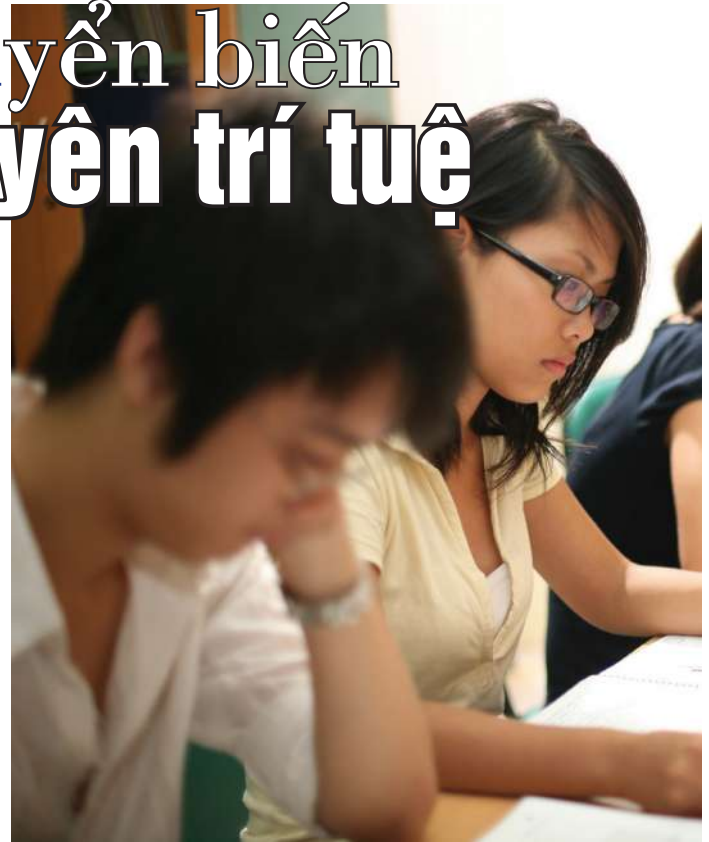
ĐỐI VỚI BẬC HỌC ĐẠI HỌC, NGƯỜI HỌC CHỈ THỰC SỰ HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ KHI THỰC SỰ ĐƯỢC HỌC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC. SỰ GẮN KẾT, TÍCH HỢP GIỮA ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÀNG TRỞ THÀNH MỘT ĐÒI HỎI BẮT BUỘC Ở BẬC SAU ĐẠI HỌC, ĐẶC BIỆT LÀ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ BỒI LỄ Ở CÁC BẬC ĐÀO TẠO CÀNG CAO THÌ YÊU CẦU ĐỐI VỚI NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU, TỰ ĐÀO TẠO CÀNG CAO.

⌘ GS.TSKH Vũ Minh Giang

## Kỷ nguyên của cạnh tranh

Ngày nay, kỷ nguyên của nền văn minh trí tuệ và kinh tế tri thức đã đặt ra những yêu cầu khác quan đối với giáo dục đại học.

Thứ nhất, tốc độ đổi mới tri thức và công nghệ đã tăng lên gấp nhiều lần so với vài thập kỷ trước. Do vậy, nếu không thực sự gắn bó chặt chẽ với nghiên cứu khoa học thì đào tạo không thể đi tiên phong mà còn luôn lạc hậu về về mặt tri thức và công nghệ, và do đó, không thể đào tạo ra những sinh viên và học viên tốt nghiệp với năng lực và trình độ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu khoa học công nghệ cả thời đại. Thứ hai, khối lượng tri thức ở tất cả các lĩnh vực chuyên môn tích lũy đã đạt đến mức mà từ một vài thập kỷ gần đây mọi phương pháp giáo dục dựa trên triết lý truyền thụ – tiếp nhận đều bị rơi vào



khủng hoảng, bởi lẽ người ta không thể “truyền thụ” được tất những gì cần truyền thụ, và càng không thể “tiếp nhận” được tất cả những gì cần tiếp nhận. Vì vậy, triết lý giáo dục đã chuyển mạnh sang việc lấy người học làm trung tâm và mục đích của đào tạo chủ yếu là nhằm giúp cho người học hình thành năng lực tự lựa chọn và thấu nạp cho mình những tri thức và kỹ năng, kinh nghiệm mà họ cần, tức là hướng tới việc trang bị và trau dồi phương pháp nghiên cứu khoa học hơn là trang bị kiến thức khoa học.

Thứ ba, trải qua giai đoạn khoa học theo hướng chuyên biệt, chuyên sâu, khoa học và công nghệ ngày nay đã chuyển sang giai đoạn tích hợp cao giữa các ngành, các lĩnh vực chuyên sâu, hình thành nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khoa học liên ngành, đa ngành nhằm giải quyết các vấn đề có độ

phức tạp cao do thực tiễn đặt ra. Đây chính là một xu hướng phát triển mới đặt ra cho quá trình đào tạo đại học ở tất cả các bậc, đặc biệt là các bậc sau đại học những thách thức nan giải mà chỉ có thông qua sự gắn kết hữu cơ, sự tích hợp nhuần nhuyễn và liên tục giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học mới có thể tìm ra lối thoát tích cực.

Thứ tư, trong thời đại ngày nay khoa học công nghệ không chỉ có nhiệm vụ cung cấp cơ sở và luận cứ khoa học hay giải pháp công nghệ cho quá trình phát triển nói chung mà thực sự đã trở thành một lực lượng, một nguồn lực và thậm chí được coi như nguồn vốn trí tuệ (intellectual capital) đối với sự phát triển. Nói cách khác, khoảng cách giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, giữa nghiên cứu lý thuyết và phát triển công nghệ, giữa phát minh và ứng dụng, giữa đại học, viện nghiên cứu với các cơ quan hoạch định, thực thi chính sách và doanh nghiệp đang ngày càng được thu hẹp với tốc độ ngày một gia tăng. Đứng trước xu thế chuyển biến trên đây, dường như không còn khoảng cách giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Thứ năm, với ý tư cách là một nguồn lực trực tiếp của phát triển, giáo dục đại học và khoa học công nghệ đã trở thành một thị trường mới, cực kỳ sôi động với mức độ cạnh tranh rất gay gắt và đa dạng. Các trường đại học phải xây dựng và thực hiện quyết liệt chiến lược thương hiệu để phát huy danh tiếng, cạnh tranh thu hút nhiều nguồn lực khác nhau phục vụ cho quá trình đào tạo ngày càng trở nên “đắt đỏ” của mình. Trong chiến lược cạnh tranh đó thì tiêu chí và năng lực cạnh tranh quan trọng nhất chính là các sản phẩm đầu ra (output products) của trường đại học, bao gồm nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm khoa học công nghệ tiên phong và các dịch vụ tri thức chất lượng cao. Để đạt được ba loại sản phẩm đầu ra chất lượng cao này thì giải pháp bền vững nhất chính là tích hợp nhuần nhuyễn giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học.

## Câu chuyện của Việt Nam

Việt Nam ở vào vị thế của một nước “đi sau”, chậm phát triển, nỗ lực bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại và hội nhập quốc tế, với kỳ vọng nhanh chóng rút ngắn khoảng cách tụt hậu, gia nhập vào hàng ngũ các nước phát triển. Để góp phần hiện thực hóa mục tiêu chiến lược này, giáo dục đại học và khoa học công nghệ Việt Nam phải đi tiên phong trong việc thu hẹp khoảng cách tụt hậu, tức là phải gấp rút đào tạo cho đất nước một đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến của quốc tế, có đủ năng lực để tiếp nhận thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới, đồng thời có thể sáng tạo ra những thành tựu khoa học công nghệ đạt trình độ tiên tiến của thế giới, cung cấp cho sự nghiệp phát triển đất nước nguồn vốn trí tuệ có chất lượng cao ngang tầm quốc tế.

Nếu giáo dục đại học và khoa học công nghệ Việt Nam không thực hiện tốt sứ mệnh trên thì Việt Nam không thể thu hẹp được khoảng cách tụt hậu, và do đó sẽ mãi mãi không thoát khỏi vị thế của nước “đi sau”, chậm phát triển, lạc hậu và phụ thuộc. Đây là một quy luật phát triển của thế giới ngày nay,



**Một là nền giáo dục Việt Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề từ di sản quá khứ. Đó là căn bệnh trọng học chứ không thực sự hiểu học, tức là trọng bằng cấp chứ không trọng thực học, trọng sự tìm tòi, khám phá.**



**Các trường đại học phải xây dựng và thực hiện quyết liệt chiến lược thương hiệu để phát huy danh tiếng, cạnh tranh thu hút nhiều nguồn lực khác nhau phục vụ cho quá trình đào tạo ngày càng trở nên “đắt đỏ” của mình.**

trong bối cảnh của nền kinh tế tri thức.

Đứng trước thách thức trên, các trường đại học Việt Nam nhất thiết phải nhanh chóng đổi mới triệt để phương thức và công nghệ đào tạo theo hướng tích hợp cao các hoạt động đào tạo với nghiên cứu khoa học. Đây là con đường duy nhất để cả thầy và trò hành chóng tiếp cận với trình độ khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới, khắc phục và thu hẹp khoảng cách tụt hậu, thiết thực phục vụ sự nghiệp chấn hưng, phát triển đất nước.

Mặt khác, một nền kinh tế đang chuyển đổi, với nhiều thành phần kinh tế, ở nhiều trình độ phát triển khác nhau như nền kinh tế Việt Nam hiện nay đang rất cần một lực lượng lao động kỹ thuật đồng đảo, thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề với trình độ học vấn, tay nghề khác nhau. Do vậy, giáo dục đại học và phát triển khoa học công nghệ nước ta không chỉ tập trung vào việc đạt tới và tạo ra những sản phẩm đỉnh cao mà còn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực và yêu cầu về các sản phẩm giải pháp khoa học công nghệ phục vụ sự

nghiệp phát triển kinh tế xã hội cấp thời, trước mắt.

Nhận thức sâu sắc được quy luật trên đây, trong những thập kỷ gần đây, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã dành cho giáo dục và khoa học công nghệ sự quan tâm đặc biệt. Các bộ Luật Giáo dục và Luật Khoa học công nghệ đều chính thức ghi nhận giáo dục và phát triển khoa học công nghệ là “quốc sách hàng đầu” trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tuy nhiên để cụ thể hóa và hiện thực hóa “quốc sách” này, cần tháo gỡ và vượt qua rất nhiều khó khăn nan giải.

Thứ nhất là phải giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa ưu tiên phát triển giáo dục và phát triển khoa học công nghệ đỉnh cao, đào tạo nhân tài đỉnh cao với phát triển giáo dục đại chúng và các giải pháp khoa học công nghệ hướng tới giải quyết các vấn đề cụ thể, trước mắt của thực tiễn kinh tế, xã hội.

Thứ hai, là một trong những nước chậm phát triển



vừa thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu kéo dài, các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đại học và phát triển khoa học công nghệ của Việt Nam là rất hạn chế. Trong khi đó, yêu cầu về mức độ đầu tư cho giáo dục đại học và phát triển đỉnh cao, theo kịp với trình độ tiên tiến của thế giới là rất lớn. Xin nêu 2 ví dụ: Mức lương trung bình cho PGS ở các trường đại học châu Âu khoảng 4500 euro/tháng, cho GS là khoảng 6000 euro/tháng. Trong khi lương cho PGS ở Việt Nam trung bình chỉ 200 euro/tháng và cho GS là khoảng 350 euro/tháng. Mức chi phí trung bình cho một học viên cao học ở châu Âu là khoảng 1000 euro/tháng, cho NCS là khoảng 1500 euro/tháng. Trong khi đó, mức chi phí này ở Việt Nam chỉ khoảng 150 euro/tháng đối với học viên cao học và khoảng 200 euro/tháng cho NCS.

Nguồn lực đầu tư cho đào tạo và phát triển khoa

học công nghệ ở Việt Nam không chỉ ít mà còn hết sức phân tán và lãng phí. Tình trạng phân tán và lãng phí nguồn lực này được đề cập tới ở nhiều diễn đàn, ở đây chỉ xin đặc biệt nhấn mạnh đến các nguyên nhân thuộc về cơ chế quản lý giáo dục đại học và quản lý khoa học công nghệ đang cản trở sự liên thông, liên kết, tích hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đại học và phát triển khoa học công nghệ.

Cần phải nhấn mạnh một số tình hình rất đáng lo ngại hiện nay trong nền giáo dục đại học Việt Nam, bởi đây tuy là những rào cản vô hình nhưng lại đang hằng ngày, hằng giờ kìm hãm sự phát triển, làm suy giảm nghiêm trọng chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các trường đại học.

Một là nền giáo dục Việt Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề từ di sản quá khứ. Đó là căn bệnh trọng học chứ không thực sự hiểu học, tức là trọng bằng cấp chứ không trọng thực học, trọng sự tìm tòi, khám phá.

Hai là cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp đối với giáo dục đại học và khoa học công nghệ trước thời kỳ Đổi mới với việc “công chức, viên chức hóa” đội ngũ các nhà khoa học hành chính hóa các trường đại học và các viện nghiên cứu đã làm cho căn bệnh nói trên càng thêm trầm trọng. Đặc biệt là lối đánh giá, đãi ngộ cào bằng, bệnh thành tích, trọng thâm niên hơn trọng cống hiến... đã làm nảy sinh nhiều tác động tiêu cực, hạn chế tìm tòi, khám phá trong các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong trường đại học.

Để tháo gỡ rào cản và khắc phục các khó khăn nói trên nhằm tạo ra bước phát triển đột phá và bền vững của sự nghiệp phát triển giáo dục đại học và khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay cần thực thi một loạt các giải pháp đồng bộ ở cả tầm vĩ mô và vi mô, song trước hết có thể và cần phải đổi mới triết lý và phương thức tổ chức đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ trong các trường đại học và các viện nghiên cứu, hướng tới sự tích hợp cao và nhuần nhuyễn giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đây vừa là một giải pháp chiến lược, vừa là một giải pháp cấp thời có tính khả thi cao để sử dụng hợp lý, có hiệu quả cao nhất các nguồn nội lực và thu hút ngoại lực nhằm nhanh chóng nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học trong trường đại học.